

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MHB TÂY HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MHB TÂY HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MHB WEST HANOI TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MHB WEST HANOI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110544027

**3. Ngày thành lập:** 16/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu 6, Thị Trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969697969

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                 | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                         | 4620        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                            | 4631(Chính) |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                        | 4632        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                          | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                            | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                    | 4653        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ kinh doanh máy móc, thiết bị y tế; máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá) | 4659        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                 | 4669        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh       | 8299        |
| 11. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)                                                                                 | 4690        |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                      | 4711        |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                        | 4719        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4721 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 17. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                  | 4781 |
| 18. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet; Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                       | 4791 |
| 19. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;                                                                                                                 | 4799 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                                                                                                        | 4931 |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                              | 4932 |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                              | 4933 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                               | 5210 |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                           | 5225 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ các hoạt động liên quan vận tải hàng không)                                                                                                                                           | 5229 |
| 27. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 5610 |
| 28. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                          | 5621 |
| 29. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng                                                                                  | 5629 |

|     |                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 5630 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán sùng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Trừ bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng, Trừ hoạt động của đấu giá viên)                                     | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ HỒNG     | Việt Nam  | Khu 6, Thị Trấn Trạm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 800.000.000           | 40,000    | 001163017049                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN MẠNH | Việt Nam  | Khu 6, Thị Trấn Trạm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 1.200.000.000         | 60,000    | 001085033876                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/07/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085033876

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 6, Thị Trấn Trạm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 6, Thị Trấn Trạm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội